

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 14/2024/HNGĐ – ST

Ngày 25/3/2024.

“V/v: Xin ly hôn và nuôi con chung”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Bà H'Năm Bkrông.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Tuyên.

2. Bà Trịnh Thị Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hòa Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thùy Nguyễn –Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 382/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2023, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2024/QĐXX – HNGĐ ngày 01/3/2024, quyết định hoãn phiên tòa số 12/2024/QĐST-DS ngày 18/3/2024 giữa các đương sự :

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1980.

Địa chỉ: T5, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Tấn H, sinh năm 1971.

Địa chỉ: T14, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Trong bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Nguyễn Tấn H có tìm hiểu, cưới hỏi theo phong tục tại địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 18/7/2014 trên cơ sở tự nguyện. Sau một thời gian chung sống, có với nhau được 01 con chung đến năm 2019 thì chúng tôi phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống bất đồng, tính tình không hợp, mặc dù cũng cố gắng hòa giải nhưng mâu thuẫn trầm trọng nên không thể hòa hợp được nữa, vì vậy chúng tôi đã sống ly thân 01 năm nay. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chúng tôi được ly hôn.

-Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Tấn S, sinh ngày 22/9/2016, hiện nay cháu đang sống cùng mẹ nên tôi có nguyện vọng nuôi dưỡng con cho đến tuổi trưởng thành.

-Về cấp dưỡng nuôi con: Tôi đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Tấn H chịu trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng.

-Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu giải quyết.

2. Trong bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Tấn H trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Tôi và chị Nguyễn Thị B có tìm hiểu, cưới hỏi theo phong tục tại địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 18/7/2014 trên cơ sở tự nguyện. Sau một thời gian chung sống, có với nhau được 01 con chung thì chúng tôi phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống bất đồng, tính tình không hợp, mặc dù cũng cố gắng hòa giải nhưng mâu thuẫn trầm trọng nên không thể hòa hợp được nữa, vì vậy chúng tôi đã sống ly thân 01 năm nay. Nay chị B làm đơn xin ly hôn thì tôi đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết cho chúng tôi được ly hôn.

-Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Tấn S, sinh ngày 22/0/2016, hiện nay cháu đang sống cùng mẹ nên tôi nhất trí giao con cho chị B nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành.

-Về cấp dưỡng nuôi con: Tôi không đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị B do khi hai vợ chồng sống ly thân thì tôi đã để lại toàn bộ tài sản cho mẹ con chị B. Nếu chị B không có khả năng nuôi con thì tôi đề nghị được nuôi con và không yêu cầu bà B cấp dưỡng.

-Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án:

-Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử thẩm phán chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Về nội dung vụ án:

+Đối với quan hệ hôn nhân: Căn cứ và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay có thể xác định tình trạng hôn nhân của bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Tấn H mâu thuẫn trầm trọng, bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Tấn H đã sống ly thân đến nay đã hơn 01 năm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa ông H cũng đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của bà B. Do đó có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B.

+Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị B có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung do hiện nay cháu đang cùng sống với mẹ và đang được bà B trực tiếp chăm sóc. Xét thấy nguyện vọng của bà B là chính đáng, đảm bảo cho sự phát triển của con, phù hợp với quy định của pháp luật, vì vậy giao cháu Nguyễn Tấn S, sinh ngày 22/9/2016 cho bà Nguyễn Thị B nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) là phù hợp.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy bà B đề nghị cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng, mức cấp dưỡng bà B đề nghị là chính đáng, đúng quy định của pháp luật, nhằm đóng góp phí tổn nuôi con chung cần buộc ông Nguyễn Tấn H cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

+ Đối với tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị B không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

Từ những nhận định nêu trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Tấn H.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tấn S, sinh ngày 22/9/2016 cho bà Nguyễn Thị B được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Nguyễn Tấn H cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Đối với tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị B không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, xem xét ý kiến của nguyên đơn, bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và loại tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Tấn H có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 18/7/2014, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống, vợ chồng 01 con chung là cháu Nguyễn Tấn S, sinh ngày 22/9/2016. Sau một thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống bất đồng nên ông bà đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, bà B xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Ông Nguyễn Tấn H đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị B.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Tấn H đã đến mức trầm trọng, vợ chồng sống ly thân từ năm 2022 đến nay mà không có biện pháp hàn gắn hạnh phúc gia đình, bà B xác định tình cảm không còn và kiên quyết xin ly hôn. Tại phiên tòa, ông H đồng ý ly hôn, qua xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, biên bản xác minh tại địa phương nơi vợ chồng chung sống thì xác định được, vợ chồng ông H và bà B đã sống ly thân một thời

gian. Trong thời gian ly thân ông H cũng không đến thăm nom, không có đóng góp phí tồn nuôi con và không có trách nhiệm trong việc gìn giữ gia đình. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Tấn H không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, các đương sự cũng đồng ý thuận tình ly hôn nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B, công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Tấn H.

2.2. Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Tấn S, sinh ngày 22/9/2016, hiện nay cháu Sang đang sống cùng mẹ, bà B có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tấn S cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, quá trình giải quyết vụ án cháu Sang cũng có nguyện vọng sống cùng mẹ. Xét thấy sau khi sống ly thân ông H cũng không qua lại thăm nom con chung, vì vậy để đảm bảo quyền lợi cho con cần chấp nhận nguyện vọng của bà B, giao cháu Nguyễn Tấn S, sinh ngày 22/9/2016 cho bà Nguyễn Thị B nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Ông Nguyễn Tấn H được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên ông H không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tồn nuôi con chung.

-Về cấp dưỡng nuôi con chung: Trong đơn khởi kiện bà Nguyễn Thị B yêu cầu tòa án giải quyết buộc ông H phải cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 đồng/tháng. Tại phiên tòa ông H không đồng ý cấp dưỡng nuôi con vì cho rằng hiện nay công việc không ổn định nên không có thu nhập ổn định, vì vậy không có điều kiện cấp dưỡng nuôi con. Bà Nguyễn Thị B có ý kiến, nếu ông H không cấp dưỡng được 3.000.000 đồng/tháng thì có thể giảm mức cấp dưỡng xuống 2.000.000 đồng/ tháng, tuy nhiên ông Nguyễn Tấn H vẫn không đồng ý.

Hội đồng xét xử nhận thấy, việc cả hai vợ chồng cùng có trách nhiệm nuôi con chung là bắt buộc, bà B là người trực tiếp nuôi con thì anh Hà phải chịu đóng góp phí cấp dưỡng nuôi con chung là hợp lý và đúng quy định của pháp luật. Vì vậy cần buộc ông Nguyễn Tấn H cấp dưỡng nuôi con chung với mức 2.000.000 đồng/tháng là phù hợp. Thời gian cấp dưỡng tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Nguyễn Tấn S đủ 18 tuổi.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị B không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

[3]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị B phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; Ông Nguyễn Tấn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4]. Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ và đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 220, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014.

Áp dụng nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Tấn H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tấn S, sinh ngày 22/9/2016 cho bà Nguyễn Thị B nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Ông Nguyễn Tấn H được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên ông H không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Nguyễn Tấn H phải cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Nguyễn Tấn S đủ 18 tuổi.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị B không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

4. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2022/0003353 ngày 11/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

Ông Nguyễn Tấn H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án sơ thẩm.

***Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND H.K;
- Chi cục THADS H.K;
- UBND xã E;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

H' Năm Bkrông

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Văn Tuyên

Trịnh Thị Oanh

H'Năm Bkrông

***Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. BMT;
- Chi cục THADS Tp.BMT;
- UBND xã Long Thạnh
H.Giồng Riềng, Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

H' Năm Bkrông